

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	43.210.596	86.421.180
	43.210.596	86.421.180

10 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngân hàng		
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN I TP.HCM ⁽¹⁾	153.206.839.260	186.557.319.621
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN TP. HCM ⁽²⁾	68.240.353.033	80.501.631.454
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN TP. HCM ⁽³⁾	33.992.758.800	29.275.942.850
	255.439.951.093	296.334.893.925

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

⁽¹⁾ Hợp đồng tín dụng số 24/2012/HĐTD-DNL ký ngày 26/07/2012 với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 200 tỷ đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: Tối đa 3 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

⁽²⁾ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00310/2012/0001800 ngày 23/08/2012 với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 100 tỷ;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 3 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Hàng tồn kho, toàn bộ tài khoản tiền gửi, các khoản phải thu.

⁽³⁾ Hợp đồng tín dụng hạn mức số N1120075-KBB ngày 12/06/2012 với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 50 tỷ;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 6 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	56.518.861	-
Thuế xuất, nhập khẩu	18.661.888	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	517.092.488	2.779.463.663
Thuế Thu nhập cá nhân	97.961.240	1.061.518.000
Thuế tài nguyên	1.476.000	1.476.000
	691.710.477	3.842.457.663

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại...	3.649.458.239	3.072.837.351
Trích trước chi phí lãi vay	501.816.927	740.291.560
Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	6.167.501.877	-
Trích trước chi phí khác	-	123.000.000
	10.318.777.043	3.936.128.911

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	150.547.719	361.693.569
Bảo hiểm xã hội	483.946.827	-
Bảo hiểm y tế	78.996.765	-
Bảo hiểm thất nghiệp	35.148.331	-
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	998.000.000	998.000.000
Phải trả thuế TNCN của công nhân viên do thu thừa	168.090.591	-
Lãi chậm trả Tổng Công ty Thép VN	-	106.446.880
Phải trả khác	85.804.146	154.337.760
	2.000.534.379	1.620.478.209

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VND	Thặng dư vốn cổ phần	VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	VND	Quỹ Đầu tư phát triển	VND	Quỹ dự phòng tài chính	VND	Lợi nhuận chưa phân phối	VND	Cộng
Số dư đầu năm trước	122.253.930.000		17.708.334.281		17.243.640		6.662.537.929		3.945.036.577		44.599.740.508		195.186.822.935
Lãi trong kỳ	-		-		-		-		-		2.947.135.223		2.947.135.223
Trích lập các quỹ	-		-		-		6.007.198.835		1.116.308.433		(7.123.507.268)		-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-		-		-		-		-		(6.912.750.740)		(6.912.750.740)
Chia cổ tức	-		-		-		-		-		(30.563.482.500)		(30.563.482.500)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-		-		(17.243.640)		-		-		-		(17.243.640)
Số dư cuối kỳ trước	122.253.930.000		17.708.334.281		-		12.669.736.764		5.061.345.010		2.947.135.223		160.640.481.278
Số dư đầu năm nay	122.253.930.000		17.708.334.281		-		12.669.736.764		5.061.345.010		11.584.112.641		169.277.458.696
Lãi trong kỳ	-		-		-		-		-		5.011.397.871		5.011.397.871
Trích lập các quỹ (*)	-		-		-		8.260.781		-		(8.260.781)		-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-		-		-		-		-		(1.795.537.460)		(1.795.537.460)
Chia cổ tức (*)	-		-		-		-		-		(9.780.314.400)		(9.780.314.400)
Số dư cuối kỳ này	122.253.930.000		17.708.334.281		-		12.677.997.545		5.061.345.010		5.011.397.871		162.713.004.707

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2012 trong kỳ theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 số 84/NQ-VKC ngày 4/4/2013.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	79.465.100.000	65,0%	79.465.100.000	65,0%
Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển	13.322.950.000	10,9%	13.322.950.000	10,9%
Cổ đông khác	29.465.880.000	24,1%	29.465.880.000	24,1%
	122.253.930.000	100%	122.253.930.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	122.253.930.000	122.253.930.000
- Vốn góp cuối kỳ	122.253.930.000	122.253.930.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.225.393	12.225.393
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.225.393	12.225.393
- Cổ phiếu phổ thông	12.225.393	12.225.393
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.225.393	12.225.393
- Cổ phiếu phổ thông	12.225.393	12.225.393
(Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng)		

e) Các quỹ công ty

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	12.677.997.545	12.669.736.764
Quỹ dự phòng tài chính	5.061.345.010	5.061.345.010
	17.739.342.555	17.731.081.774

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
 - + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

15. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.013.041.520.555	977.156.817.653
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	6.536.494.657
	1.013.041.520.555	983.693.312.310

16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	964.980.464.288	942.191.323.739
Giá vốn của dịch vụ	-	5.207.261.717
	964.980.464.288	947.398.585.456

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	429.961.062	389.918.142
Lãi chậm trả trong kỳ	513.463.033	1.397.446.982
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	26.840	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	5.295.182	-
	948.746.117	1.787.365.124

18 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.823.538.719	20.234.988.154
Chi phí lãi chậm trả	419.813.445	1.235.140.495
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	133.858.454	14.611.460
Chi phí tài chính khác	-	1.093.494
	14.377.210.618	21.485.833.603

19 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.914.374.958	1.255.354.310
Chi phí khác bằng tiền	1.332.592.000	632.909.093
	4.246.966.958	1.888.263.403

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	598.891.723	281.331.467
Chi phí nhân công	8.149.901.272	5.803.602.744
Chi phí khấu hao tài sản cố định	554.279.797	612.655.539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.758.345.532	716.527.399
Chi phí khác bằng tiền	2.519.265.299	3.239.837.978
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.101.636.246	-
	16.682.319.869	10.653.955.127

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.174.383.552	4.054.039.845
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	304.319.793	373.578.643
- Các khoản điều chỉnh tăng	304.319.793	373.578.643
Tổng lợi nhuận tính thuế	7.478.703.345	4.427.618.488
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.869.675.836	1.106.904.622
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	293.309.845	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.779.463.663	3.190.059.429
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(4.425.356.856)	(3.717.353.215)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	517.092.488	579.610.836

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	5.011.397.871	2.947.135.223
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.011.397.871	2.947.135.223
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	12.225.393	12.225.393
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	410	241

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	805.205.028.817	836.107.185.407
Chi phí nhân công	41.912.267.845	32.162.035.876
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.662.800.452	10.865.385.048
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.779.969.518	64.454.868.351
Chi phí khác bằng tiền	6.672.075.668	6.719.003.341
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.101.636.246	-
	945.333.778.546	950.308.478.023

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

Giá trị sổ kế toán

	30/06/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.125.130.440	-	127.464.030.243	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	143.116.174.873	(1.101.636.246)	77.068.590.229	-
	224.241.305.313	(1.101.636.246)	204.532.620.472	-

Giá trị sổ kế toán

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	255.439.951.093	296.334.893.925
Phải trả người bán, phải trả khác	47.939.742.437	50.439.509.857
Chi phí phải trả	10.318.777.043	3.936.128.911
	313.698.470.573	350.710.532.693

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.125.130.440	-	-	81.125.130.440
Phải thu khách hàng, phải thu khác	142.014.538.627	-	-	142.014.538.627
	223.139.669.067	-	-	223.139.669.067
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.464.030.243	-	-	127.464.030.243
Phải thu khách hàng, phải thu khác	77.068.590.229	-	-	77.068.590.229
	204.532.620.472	-	-	204.532.620.472

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

15-006
HÀNH
TY TNHH
KẾ TOÁN
SC
PHỔ QUẢN

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2012				
Vay và nợ	255.439.951.093	-	-	255.439.951.093
Phải trả người bán, phải trả khác	47.939.742.437	-	-	47.939.742.437
Chi phí phải trả	10.318.777.043	-	-	10.318.777.043
	313.698.470.573	-	-	313.698.470.573
Tại ngày 01/01/2012				
Vay và nợ	296.334.893.925	-	-	296.334.893.925
Phải trả người bán, phải trả khác	50.439.509.857	-	-	50.439.509.857
Chi phí phải trả	3.936.128.911	-	-	3.936.128.911
	350.710.532.693	-	-	350.710.532.693

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Kinh doanh sắt thép	Kinh doanh hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	866.240.591.665	146.800.928.890	1.013.041.520.555
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.795.842.989	810.226.078	41.606.069.067
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.148.412.751	-	1.148.412.751
Tài sản bộ phận	495.962.457.702	-	495.962.457.702
Tài sản không phân bổ	58.099.705	-	58.099.705
Tổng tài sản	496.020.557.407	-	496.020.557.407
Nợ phải trả của các bộ phận	333.307.552.700	-	333.307.552.700
Tổng nợ phải trả	333.307.552.700	-	333.307.552.700

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Các hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	225.311.667.056	262.219.528.854
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Công ty con của Tổng Công ty	82.440.000	28.073.375.520
- Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	Công ty con của Tổng Công ty	28.180.395.570	16.173.307.000
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Công ty con của Tổng Công ty	5.476.008.000	71.597.304.390
- Công ty Thép Miền Nam	Đơn vị thành viên cùng TCT	-	35.366.600
- Công ty KD thép & Dịch vụ VNSTEEL Long An	Đơn vị thành viên cùng TCT	95.557.650.470	18.497.441.720
- Chi nhánh Miền Trung	Đơn vị thành viên cùng TCT	53.882.340.600	73.981.805.550
- Chi nhánh Miền Tây	Đơn vị thành viên cùng TCT	233.855.353.750	275.761.735.110
- Chi nhánh TP.HCM	Đơn vị thành viên cùng TCT	121.110.134.420	100.685.977.020
- Chi nhánh Đà Nẵng	Đơn vị thành viên cùng TCT	3.659.196.400	-
- Công ty TNHH Thép VINA KYOEI	Công ty liên kết Tổng Công ty	44.631.201.000	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết Tổng Công ty	-	260.400.000
Lãi chậm thanh toán			
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	482.544.940	1.096.754.832
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Công ty con của Tổng Công ty	-	299.185.812
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	13.669.700.100	98.151.751.265
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Công ty con của Tổng Công ty	-	203.399.500
- Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	Công ty con của Tổng Công ty	3.120.000	425.312.500
- Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	Công ty con của Tổng Công ty	128.003.360.633	340.014.826.135
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Công ty con của Tổng Công ty	-	28.101.817.103



- Công ty Thép Miền Nam	Đơn vị thành viên cùng TCT	523.500.000	496.400.000
- Khách sạn Phương Nam	Đơn vị thành viên cùng TCT	6.318.182	18.486.365
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết Tổng Công ty	2.377.412.500	9.644.832.400
- Công ty Cổ phần Vôi Tân Thành Mỹ	Công ty liên kết Tổng Công ty	3.268.792.800	2.694.383.800
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết Tổng Công ty	271.506.000	267.598.450
- Công ty TNHH Nipponvina	Công ty liên kết Tổng Công ty	155.158.080	196.536.480
- Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Nam Ưng	Công ty liên kết Tổng Công ty	1.251.600.000	-

Chi phí lãi chậm thanh toán

- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	365.679.239	754.600.983
- Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	Công ty con của Tổng Công ty	-	86.262.239
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Công ty con của Tổng Công ty	-	256.976.102

Chi phí sử dụng thương hiệu chữ V

- Tổng Công ty Thép Việt Nam	Công ty mẹ	1.285.792.000	-
------------------------------	------------	---------------	---

Chi phí quảng cáo

- Công ty Cổ phần bóng đá TMN-Cảng SG	Công ty con của Tổng Công ty	-	280.000.000
---------------------------------------	------------------------------	---	-------------

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Mối quan hệ	30/06/2013	01/01/2013
		VND

Phải thu tiền hàng

- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	105.793.574.558	68.010.846.125
- Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	Công ty con của Tổng Công ty	2.578.751.340	2.360.241.598
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Công ty con của Tổng Công ty	564.630.000	-
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Công ty con của Tổng Công ty	-	331.012.880
- Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	Công ty con của Tổng Công ty	-	178.886.400
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	Công ty liên kết Tổng Công ty	19.197.558.600	-

5-002
HÀNG
TY TNHH
KIỂM T
ASC
TP HỒ

- Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng Miền Nam	Công ty liên kết Tổng Công ty	880.195.800	880.195.800
---	----------------------------------	-------------	-------------

Trả trước tiền hàng

- Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng Miền Nam	Công ty liên kết Tổng Công ty	221.440.446	221.440.446
---	----------------------------------	-------------	-------------

Phải trả tiền hàng

- Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	Công ty con của Tổng Công ty	-	4.119.464.043
- Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Nam Ưng	Công ty liên kết Tổng Công ty	230.472.000	170.544.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết Tổng Công ty	532.973.650	675.612.850
- Công ty Cổ phần Vôi Tân Thành Mỹ	Công ty liên kết Tổng Công ty	585.464.880	381.320.940
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết Tổng Công ty	31.284.000	-

Phải trả lãi chậm thanh toán

- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ		106.446.880
-------------------------------------	------------	--	-------------

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
- Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	1.706.381.000	883.000.000



28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay đổi tên thành Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 đã được soát xét.

Người lập biểu

Nguyễn Anh Kha

Nguyễn Anh Kha

Kế toán trưởng

Dương Minh Chính

Dương Minh Chính

Lập, ngày 25 tháng 07 năm 2013

Tổng Giám đốc



Hoàng Ngọc Oanh

Hoàng Ngọc Oanh